

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 12/5/2021

V/v: Ly hôn, nam nữ chung sống
với nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Long.

Ông Phạm Ngọc Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: Ly hôn, nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H- Sinh năm 1979. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D - Sinh năm 1977. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Làng M, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn và kể từ đó đến nay cũng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn lần nào. Sau khi chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng với nhau về quan điểm sống và cách cư xử trong gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, nên từ cuối tháng 9 năm 2020 đến nay, chị và anh D đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D theo quy định của pháp luật.

Về con cái: Chị và anh D1 có một con chung là - Sinh ngày 22/10/1995, cháu D1 đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, tự lao động nuôi được bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con.

Về tài sản: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý với yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H có một con chung như chị H trình bày là đúng. Anh đồng ý với đề nghị của chị H, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1]. Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị H và anh D phù hợp với nhau, đủ cơ sở kết luận chị H và anh D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 không đăng ký kết hôn và kể từ đó đến nay cũng không đăng ký kết hôn lần nào. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc Hội và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị H và anh D là vợ chồng.

[2]. Về con cái: Lời trình bày của chị H và anh D về việc không đề nghị Tòa án giải quyết giao nuôi con thấy rằng: Căn cứ sổ hộ khẩu và lời trình bày của cháu Phạm Văn D1, đủ cơ sở xác định: Chị H và anh D có 01 con chung là Phạm Văn D1 - Sinh ngày 22/10/1995, hiện nay Phạm Văn D1 đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh, tự lao động nuôi bản thân, chị H và anh D không yêu cầu giải quyết giao nuôi con là phù hợp, nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị H.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn D là vợ chồng.

Về con cái: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Văn D1 - Sinh ngày 22/10/1995, con đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh, tự lao động nuôi bản thân, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về việc giao nuôi con.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0011717 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/5/2021.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh